TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11- NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27-3-2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa chị Uyên và anh Doanh "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Hòe.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi;
Ông Lưu Văn Đê.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11- Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Ninh Bình tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Huê - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11- Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 313/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Tố U, sinh năm 1987. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã H, tỉnh Ninh Bình. Nơi ở hiện nay: Thôn A, xã H, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt);

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1987. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã H, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt);

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn B, xã H, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05-12-2025, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Tố U trình bày:

Chị Nguyễn Tố U và anh Nguyễn Văn D đăng ký kết hôn ngày 22-11-2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định nay là UBND xã H, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh D tại xóm D, xã H đến cuối năm 2018 thì mua đất xây nhà ở riêng tại thôn Đ, xã H, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống, do tính tình không hợp, quan điểm và cách nhìn nhận cuộc sống khác nhau nên vợ chồng hạn chế giao tiếp, không chia sẻ được với nhau về những khó khăn, vất vả

trong công việc, cuộc sống nên tình cảm lạnh nhạt. Chị U, anh D đã chủ động ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ tháng 12 năm 2024 đến nay. Để tiện cho việc đi làm và việc học tập của hai con, chị U thuê nhà ở tại thôn A xã H; nhà chung của vợ chồng đóng cửa không ai ở. Trong thời gian ly thân, mặc dù đã được đôi bên gia đình hỗ trợ hòa giải nhiều lần nhưng bản thân chị U, anh D đều không có ý tưởng đoàn tụ nên việc hòa giải không thành. Do tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị U đề nghị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị U và anh D có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Uyên L, sinh ngày 01-12-2012 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 10/8/2020; hiện cả hai con chung đang do chị U nuôi dưỡng. Chị U đề nghị được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về tài sản: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, chị U đã kê khai và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Quá trình giải quyết vụ án, gia đình có nguyện vọng tự hòa giải nên chị U tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản và đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản của chị U.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 01 năm 2026 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D công nhận lời khai của chị U về thời gian kết hôn, về quá trình chung sống, về nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng ly thân. Nay chị U làm đơn ly hôn, mặc dù vẫn có nguyện vọng đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con nhưng vì không muốn níu giữ, ràng buộc chị U nên anh D nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh D công nhận vợ chồng có 02 con chung như chị U trình bày. Tại biên bản hòa giải ngày 06-3-2026, anh D nhất trí để 02 con chung cho chị U nuôi dưỡng nhưng đến ngày 10-3-2026, anh D nộp đơn thay đổi nội dung thỏa thuận đề nghị được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị U cấp dưỡng.

Về tài sản: Anh D, chị U cùng gia đình sẽ bàn bạc tự thỏa thuận. Trường hợp không thể thỏa thuận phân chia, một trong các bên sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ kiện khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11- Ninh Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Tố U và anh Nguyễn Văn D. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Uyên L, sinh ngày 01-12-2012 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 10/8/2020 cho chị Nguyễn Tố U nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên; anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị U. Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn chị Nguyễn Tố U; do anh D không yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của chị U nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Tố U và anh Nguyễn Văn D là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Ninh Bình đăng ký kết hôn ngày 22-11-2010.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị U đối với anh D thì thấy: Trong suốt quá trình chung sống, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị U, anh D đã chủ động ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ đầu tháng 12 năm 2024 cho đến nay. Trong suốt thời gian dài ly thân, mặc dù đã được gia đình hai bên tích cực hòa giải nhưng chị U, anh D không có ý tưởng đoàn tụ nên cả hai đều không có biện pháp cụ thể, thiết thực để giải quyết mâu thuẫn nên vợ chồng.

Trên cơ sở lời khai của các đương sự, lời khai của người làm chứng và đơn đề nghị xác nhận tình trạng hôn nhân của chị U đã được chính quyền địa phương xác nhận, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị U và anh D là có thật, vợ chồng đã chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ khi tháng 12 năm 2024 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị U, cho chị Nguyễn Tố U được ly hôn anh Nguyễn Văn D là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung:

Chị Nguyễn Tố U và anh Nguyễn Văn D có 02 con chung là cháu cháu Nguyễn Ngọc Uyên L, sinh ngày 01-12-2012 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 10/8/2020, hiện cả hai con chung đang do chị U nuôi dưỡng. Chị U nhận nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Anh D đề nghị được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị U cấp dưỡng. Cháu L trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở với chị U.

Tài liệu chứng cứ do các bên giao nộp và kết quả thu thập tài liệu chứng cứ của Tòa án thể hiện: Chị U hiện đang là công chức xã H, thu nhập trung bình 15.000.000đ/tháng. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, chị U thuê nhà ở, một mình nuôi dưỡng các con tại thôn A, xã H; anh D không đóng góp gì cho chị U. Trong thời gian ở với chị U, các cháu được đi học, được chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển tốt cả về thể lực và trí lực. Cô giáo chủ nhiệm lớp cháu Nguyễn Ngọc Uyên L, cháu Nguyễn Ngọc A và Ban giám hiệu nhà trường nơi các cháu đang theo học đều xác nhận: Từ đầu năm học đến nay, việc họp phụ huynh, giữ mối liên lạc với nhà trường, đăng ký sổ liên lạc điện tử, các khoản đóng góp học hành của cháu L, cháu Ngọc A đều do chị U chịu trách nhiệm. Ông K – bố đẻ anh D là ông nội của các cháu cũng đề nghị Tòa án giao cả hai con chung chị U nuôi dưỡng để đảm bảo các điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng và không làm xáo trộn cuộc sống của hai cháu. Hai con chung của chị U, anh D đều là con gái; cháu Ngọc A trên 7

tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ; cháu L còn nhỏ, chưa thể tự mình chăm sóc bản thân nên cũng cần sự chăm sóc tỉ mỉ từ người mẹ. Anh D làm nghề tự do, mặc dù có nguyện vọng nuôi con chung nhưng lại không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về chỗ ở, thu nhập cũng như các điều kiện khác để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dạy con chung. Trong thời gian vợ chồng ly thân, anh D không thường xuyên làm ăn sinh sống tại địa phương. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống sinh hoạt, học tập, điều kiện được chăm sóc, nuôi dưỡng của cháu Uyên L và cháu Ngọc A, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả hai con chung cho chị U nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị U là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản: Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, chị U kê khai, yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Ngày 12/01/2026, chị U làm đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản để gia đình tự thỏa thuận. Xét việc rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản của chị U là tự nguyện; anh D không yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của chị U nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị U, đình chỉ và không phân chia tài sản chung vợ chồng giữa chị U, anh D. Trường hợp các bên không tự thỏa thuận phân chia thì một trong các bên liên quan được quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Tố U phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Chị U rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản, được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải nộp án phí chia tài sản và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Tố U và anh Nguyễn Văn D.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Uyên L, sinh ngày 01-12-2012 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 10/8/2020 cho chị Nguyễn Tố U nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Tố U.

Chị U, anh D có các quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật. Hiện cháu Ngọc A, cháu L đang do chị U nuôi dưỡng nên anh D không phải thực hiện nghĩa vụ giao con cho chị U.

3. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của nguyên đơn chị Nguyễn Tố U.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Tố U phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và không phải nộp án phí chia tài sản. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp

là 10.000.000đ (mười triệu đồng) tại biên lai số 0003820 ngày 24-12-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị Nguyễn Tố U đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền 9.700.000đ (chín triệu bảy trăm nghìn đồng) từ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh+khu vực;
- THADS tỉnh;
- UBND xã Hải Hậu;
- UBND xã Hải Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hòe